

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/DS-PT
Ngày 25-6-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản (tiền).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Bà Lương Thị Nguyệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**
Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024, về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐ-PT ngày 05/6/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M. Cư trú tại: Số ***, đường L, khối *, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- **Các bị đơn:**

1. Ông Phan Tiến D; có mặt.

2. Bà Lý Thị Q (tên gọi khác: Lý Thị Q1, Lý Thị T); có mặt.

Cùng trú tại: Số ***, khu N, đường H, tổ **, khối *, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phan Tiến D: Bà Dương Thị Quỳnh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Dung H. Cư trú tại: Số **, ngõ ***, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q (tên gọi khác: Lý Thị Q1, Lý Thị T) là các bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Giấy vay tiền mặt ngày 23-8-2017 thể hiện: Người cho vay là nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, người vay là các bị đơn ông Phan Tiến D và vợ là bà Lý Thị Q (tên gọi khác: Lý Thị Q1, Lý Thị T, Lý Thị M), vay số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 12%/năm, thời gian vay là 06 tháng. Vợ chồng bị đơn có giao 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên ông Phan Văn L (bố của ông Phan Tiến D) cho nguyên đơn giữ để làm tin. Giấy vay tiền do ông Phan Tiến D lập bằng hình thức viết tay, có chữ ký của người cho vay, người vay và người làm chứng là bà Nguyễn Thị Dung H.

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Qua giới thiệu của bà Nguyễn Thị Dung H và ông Trần Tuấn B, nguyên đơn biết vợ chồng bị đơn cần vay một khoản tiền để lo cho con ăn học. Ngày 23-8-2017, tại nhà bà Nguyễn Thị Dung H, nguyên đơn đã cho vợ chồng bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng và bị đơn ông Phan Tiến D đã viết giấy vay tiền mặt trên. Nguồn tiền cho vay là tiền riêng của nguyên đơn, không liên quan gì đến vợ, con của nguyên đơn. Đến thời hạn trả tiền, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bị đơn trả tiền nhưng vợ chồng bị đơn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thời gian đã cam kết. Ngày 08-6-2022, nguyên đơn viết Giấy biên nhận và thoả thuận với nội dung từ ngày 23-8-2017 vợ chồng bị đơn chưa trả số tiền vay 300.000.000 đồng với lãi suất 12%/năm, hai bên thoả thuận các sổ đỏ mà vợ chồng bị đơn đã đưa cho nguyên đơn giữ để lấy số tiền vay, nguyên đơn có quyền sử dụng các sổ đỏ đó để giải quyết số tiền vay chưa trả, bị đơn bà Lý Thị Q đã ký tên vào bên người thoả thuận trong Giấy biên nhận và thoả thuận này. Ngày 12-3-2023, bị đơn bà Lý Thị Q có viết cho nguyên đơn Giấy cam kết với nội dung vợ chồng bị đơn có vay của nguyên đơn 300.000.000 đồng vào ngày 23-8-2017, tính đến ngày 12-3-2023 vẫn chưa trả tiền cho nguyên đơn, tổng số tiền cả gốc và lãi đến nay là 480.000.000 đồng; do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng bị đơn cam đoan sẽ trả 10.000.000 đồng vào ngày mùng 10 hàng tháng, số nợ còn lại sẽ chịu lãi suất 12%/năm, thời điểm trả nợ bắt đầu từ ngày 10-4-2023; giấy cam kết này do bà Lý Thị Q lập bằng hình thức giấy viết tay, có chữ ký của nguyên đơn và vợ chồng bị đơn. Ngày 25-4-2023 và ngày 30-4-2023, bị đơn chuyển khoản 02 lần để trả tiền cho nguyên đơn với tổng số tiền đã trả là 4.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 296.000.000 đồng và lãi phát sinh 12%/năm tính đến ngày 23-9-2023 là 219.000.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 515.000.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 296.000.000 đồng và số tiền lãi là 180.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi chậm trả do các bị đơn hiện đang khó khăn; nguyên đơn cũng đã bàn

giao lại cho bị đơn ông Phan Tiến D bản gốc 03 GCNQSDĐ cấp ngày 30-8-1999, 01-6-2001 do UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Phan Văn L.

Bị đơn ông Phan Tiến D trình bày: Vợ chồng ông có được vay số tiền 300.000.000 đồng và ông có được viết Giấy vay tiền mặt ngày 23-8-2017 nhưng là vay tiền của bà Nguyễn Thị Dung H. Khi viết giấy vay, ông không biết nguyên đơn là ai nhưng do bà Nguyễn Thị Dung H bảo nguyên đơn là chồng của bà Nguyễn Thị Dung H nên viết tên người cho vay là nguyên đơn. Bà Lý Thị Q là người trực tiếp nhận tiền với bà Nguyễn Thị Dung H và cũng là người đưa 03 GCNQSDĐ mang tên ông Phan Văn L cho bà Nguyễn Thị Dung H để làm tin. Mục đích vợ chồng ông vay tiền để đi chữa bệnh cho ông. Sau khi điều trị bệnh khoảng 06 tháng và ra viện, ông được 4-5 lần chở vợ đến nhà bà Nguyễn Thị Dung H trả tiền, trong đó có 01 lần trả 60.000.000 đồng, còn những lần khác thì ông chờ ở ngoài cửa, không trực tiếp nhìn thấy việc trả tiền, việc trả tiền do vợ ông và Nguyễn Thị Dung H tự nói chuyện với nhau. Nguồn tiền trả nợ do vợ chồng ông bán đất ở quê, vợ ông cũng bán đất riêng để trả nợ, cụ thể bán như thế nào, bán được bao nhiêu tiền đến nay ông không nhớ. Vợ chồng ông đã trả cho bà Nguyễn Thị Dung H 475.000.000 đồng bao gồm cả nợ gốc và lãi, nay chỉ còn nợ khoảng 10.000.000 đồng tiền lãi. Ông xác nhận được ký Giấy cam kết ngày 12-3-2023 nhưng là do nguyên đơn đến nhà ông đòi tiền, thấy phức tạp nên ông ký vào Giấy cam kết để nguyên đơn đi về và không làm phiền nữa. Theo ông được biết, do nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Dung H có mâu thuẫn nên bà Nguyễn Thị Dung H không đưa cho nguyên đơn số tiền vợ chồng ông đã trả nên nguyên đơn mới khởi kiện. Do vậy, ông không nhất trí toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Dung H vẫn đang giữ 03 GCNQSDĐ mang tên ông Phan Văn L mà vợ chồng ông đã đưa để làm tin nhưng hiện ông đã bán các thửa đất theo GCNQSDĐ được cấp cho anh chị em trong họ hàng, khi bán chỉ viết giấy mua bán viết tay, ông không nhớ cụ thể số tiền đã bán đất.

Bị đơn bà Lý Thị Q (tên gọi khác: Lý Thị Q1, Lý Thị T) trình bày: Năm 2017, qua giới thiệu của ông B (làm nghề lái xe ôm, không rõ họ tên, địa chỉ) bà được biết bà Nguyễn Thị Dung H là người chuyên cho vay tiền lấy lãi. Ngày 22-8-2017, do có nhu cầu vay tiền cho chồng đi chữa bệnh, một mình bà đi xe ôm đến nhà bà Nguyễn Thị Dung H đặt 03 GCNQSDĐ để vay tiền. Ngày 22-8-2017, bà nhận 100.000.000 đồng tiền vay từ bà Nguyễn Thị Dung H, không lập giấy tờ vay, lãi nói miệng với nhau là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không nói thời hạn trả tiền. Ngày 23-8-2017, vợ chồng bà nhận tiếp 200.000.000 đồng tiền vay từ bà Nguyễn Thị Dung H, lập Giấy vay tiền mặt với tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng, giấy vay do chồng bà viết, bà có được ký tên “Lý Thị M, Lý Thị T” ở bên dưới giấy vay (do tên trên giấy tờ tùy thân của bà là Lý Thị Q nhưng ở nhà còn có các tên gọi khác là Lý Thị M, Lý Thị T, Lý Thị A). Bà Nguyễn Thị Dung H nói nguyên đơn là chồng của bà Nguyễn Thị Dung H, chỉ một người đứng tên nên trên giấy vay viết tên nguyên đơn là người cho vay. Tại thời điểm vay, không có mặt nguyên đơn ký, bà Nguyễn Thị Dung H cũng không ký là người làm chứng, mà chỉ có vợ chồng bà ký vào người vay, giấy

vay tiền chỉ lập 01 bản, do bà Nguyễn Thị Dung H giữ. Sau khi nhận tiền vay, chồng bà đi chữa bệnh nằm điều trị trong 01 tháng hết khoảng 240.000.000 đồng nên sau khi về nhà khoảng 02 tháng sau bà đã trả cho bà Nguyễn Thị Dung H 60.000.000 đồng. Khoảng đầu năm 2018, sau khi bán 155m² đất tại Hà Nội của bà do bố mẹ cho (bán được 300.000.000 đồng, khi bán có lập giấy viết tay), bà đã tiếp tục trả cho bà Nguyễn Thị Dung H 300.000.000 đồng. Sau khi chồng bà bán đất ruộng ở quê (bán được 200.000.000 đồng, khi bán có lập giấy viết tay), vợ chồng bà tiếp tục trả cho bà Nguyễn Thị Dung H thêm 02 lần, một lần trả 85.000.000 đồng, một lần trả tiếp 30.000.000 đồng. Bà xác định đã trả cho bà Nguyễn Thị Dung H 04 lần với tổng số tiền là 475.000.000 đồng bao gồm cả nợ gốc và lãi, nhưng không có văn bản, giấy tờ về việc trả tiền để chứng minh vì bà Nguyễn Thị Dung H không chịu ký giấy khi bà trả nợ, không có người chứng kiến việc trả nợ. Bà xác định hiện chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị Dung H khoảng 10.000.000 đồng tiền lãi. Bà là người viết Giấy cam kết ngày 12-3-2023, lý do viết giấy là do nguyên đơn bảo bà viết. Bà xác định bà vay tiền của bà Nguyễn Thị Dung H và bà đã trả tiền cho bà Nguyễn Thị Dung H nên không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Dung H trình bày: Khoảng giữa tháng 2-2016, qua ông Trần Tuấn B giới thiệu, bà biết vợ chồng bị đơn. Sau khi quen biết, bà có cho vợ chồng bị đơn vay số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, sau khi vay vợ chồng bị đơn đã thanh toán đầy đủ. Đến tháng 8-2017, vợ chồng bị đơn đến nhà bà và đặt vấn đề vay 300.000.000 đồng để lo việc học hành cho con. Do bà không có tiền để cho vay nên bà đã giới thiệu sang nguyên đơn là chỗ người quen của bà. Ngày 23-8-2017, tại nhà bà, vợ chồng bị đơn đưa sổ đỏ cho nguyên đơn và nói rằng bố ông Phan Tiến D đã giao toàn quyền sử dụng đất cho hai vợ chồng nên nguyên đơn đã đồng ý và giao số tiền vay cho vợ chồng bị đơn. Sau một thời gian như đã giao hẹn, không thấy vợ chồng bị đơn trả tiền, nguyên đơn có đến nhà đòi nhưng vợ chồng bị đơn xin khất, bảo khi nào bán được đất thì mới có tiền trả. Bà được biết vợ chồng bị đơn có viết giấy nhận nợ với nguyên đơn và hứa mỗi tháng sẽ trả 10.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền cho nguyên đơn. Khi nguyên đơn thúc giục trả tiền thì vợ chồng bị đơn lại nói không vay tiền của nguyên đơn mà là vay tiền của bà. Vợ chồng nguyên đơn cho rằng đã trả 475.000.000 đồng cho bà là không đúng, không có chứng cứ để chứng minh, không ai đi trả nợ lại không có giấy tờ hoặc ký giấy, ký sổ về việc đã trả nợ. Bà khẳng định vợ chồng bị đơn vay 300.000.000 đồng của nguyên đơn là đúng sự thật, bà có được chứng kiến việc giao, nhận tiền và viết Giấy vay tiền mặt ngày 23-8-2017 giữa hai bên.

Người làm chứng ông Trần Tuấn B trình bày: Ông làm nghề xe ôm từ năm 1990 đến nay. Ông không có quan hệ họ hàng, cũng không có mâu thuẫn gì với nguyên đơn, vợ chồng bị đơn và bà Nguyễn Thị Dung H. Ông có quen biết vợ chồng bị đơn từ năm 1990, quen bà Nguyễn Thị Dung H từ năm 2000, quen nguyên đơn từ năm 2010. Cách đây khoảng 6-7 năm, bị đơn ông Phan Tiến D hỏi vay tiền ông nhưng do không có tiền nên ông đã giới thiệu sang bà Nguyễn

Thị Dung H, ông có cho ông Phan Tiến D số điện thoại của bà Nguyễn Thị Dung H để tự liên lạc, ông cũng gọi điện cho bà Nguyễn Thị Dung H thông tin trước sự việc. Ông không được chờ vợ chồng bị đơn sang nhà bà Nguyễn Thị Dung H lần nào. Ông được biết bà Nguyễn Thị Dung H có cho vợ chồng bị đơn vay tiền và đã trả đầy đủ, còn việc cho vay lấy lãi hay không thì ông không rõ. Thỉnh thoảng, vợ chồng bị đơn có hỏi vay tiền ông từ vài triệu đến vài chục triệu nhưng ông không có tiền để cho vay, vài ba tháng hỏi vay tiền một lần, ông được biết vợ chồng bị đơn hay chơi lô đề. Việc vợ chồng bị đơn vay tiền nguyên đơn như thế nào thì ông không biết, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong các phiên họp, phiên tòa.

Người làm chứng anh Bùi Huy V trình bày: Anh không có mối quan hệ họ hàng, anh em, mâu thuẫn, quen biết gì đối với nguyên đơn và vợ chồng bị đơn. Gia đình anh có cửa hàng tạp hóa tại nhà, gần khu Nhà ở xã hội và có nhận làm dịch vụ chuyển tiền hộ, mỗi giao dịch chuyển tiền hộ khách chuyển tiền sẽ phải trả phí cho anh từ 5.000 đồng - 10.000 đồng/giao dịch. Anh xác nhận có được chuyển tiền bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 0968507*** mang tên BUI HUY V tại Ngân hàng MB đến số tài khoản số 106003922*** mang tên NGUYEN VAN M của Ngân hàng V, chuyển 02 lần, mỗi lần chuyển 2.000.000 đồng vào ngày 26-4-2023 và ngày 30-4-2023. Do thời gian đã lâu anh không nhớ ai là người thuê chuyển tiền hộ. Do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên tòa của Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 27-12-2023 tại Ngân hàng T chi nhánh Lạng Sơn: Tại Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có của khách hàng BUI HUY V, tài khoản 0968507*** phát sinh số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 01-5-2023 có nội dung "Dung tra no - mã giao dịch/Trace 8 37715" đến đơn vị thụ hưởng là NGUYEN VAN M, tài khoản 106003922*** Ngân hàng V là do hệ thống của Ngân hàng T không ghi nhận giao dịch phát sinh vào ngày Chủ nhật (ngày 30-4-2023 là ngày Chủ nhật) và sẽ thể hiện sao kê vào ngày thứ hai làm việc tiếp theo (tức ngày 01-5-2023) nên có sự chênh lệch về ngày tháng giao dịch như vậy.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 29-02-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M. Buộc bị đơn ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q (Lý Thị Q1, Lý Thị T) cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn M tổng số tiền 476.000.000 đồng trong đó, tiền gốc: 296.000.000 đồng, tiền lãi: 180.000.000 đồng. Ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q (Lý Thị Q1, Lý Thị T) không phải trả lãi chậm trả do nguyên đơn không yêu cầu. Xác nhận ông Nguyễn Văn M đã bàn giao lại bản gốc 03 GCNQSDĐ cấp ngày 30-8-1999, 01-6-2001 do UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Phan Văn L tại Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn cho ông Phan Tiến D (có biên bản giao nhận ngày 29-02-2024). Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, các bị đơn ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q (tên gọi khác: Lý Thị Q1, Lý Thị T) kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp

phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do các bị đơn chỉ được vay tiền của bà Nguyễn Thị Dung H, không được vay tiền của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị đơn ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q cùng bà Dương Thị Quỳnh H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phan Tiến D trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bị đơn xác định chỉ được vay tiền của bà Nguyễn Thị Dung H và đã trả nợ 04 lần, cụ thể: Ngày 22-9-2017 trả 60.000.000 đồng, ngày 24-10-2017 trả 80.000.000 đồng, tháng 11-2017 trả 150.000.000 đồng, ngày 22-12-2017 trả 185.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 475.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi trả tiền không có giấy ký xác nhận do bà Nguyễn Thị Dung H không chịu ký. Về số tiền 4.000.000 đồng các bị đơn chuyển khoản vào tài khoản nguyên đơn là trả cho khoản vay khác, không liên quan đến khoản vay 300.000.000 đồng này, do đó ông Nguyễn Văn M không có quyền khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 296.000.000 đồng và lãi cho nguyên đơn không đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Dung H không nhất trí với toàn bộ nội dung kháng cáo của các bị đơn, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên các bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q không tham gia buổi kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm, từ chối nhận thông báo, từ chối ký nhận biên bản giao văn bản tố tụng của Tòa án, phiên tòa phúc thẩm mở lần đầu ngày 05-6-2024 bị đơn có kháng cáo là Lý Thị Q vắng mặt không có lý do.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì cho rằng không được vay tiền của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phan Tiến D và bà Lý Thị Q thừa nhận ngày 23-8-2017 tại nhà của bà Nguyễn Thị Dung H, ông Phan Tiến D có được tự tay viết Giấy vay tiền mặt với nội dung vay của ông Nguyễn Văn M số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, trong vòng 06 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền trên. Ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q thừa nhận đều được ký xác nhận vào Giấy vay tiền mặt đề ngày 23-8-

2017, thừa nhận đã được nhận số tiền 300.000.000 đồng, giấy vay tiền do ông Nguyễn Văn M xuất trình tại Tòa án là đúng. Khi vay tiền ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q có để lại 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phan Văn L (bố đẻ của ông Phan Tiến D) để làm tin. Sau đó ngày 08-6-2022 tại nhà riêng ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q, giữa bà Lý Thị Q và ông Nguyễn Văn M có lập Giấy biên nhận và thỏa thuận, theo đó thể hiện "*ông Minh có cho cô Quý, chú Dũng vay tiền từ ngày 23-8-2017, đến nay đã gần 5 năm chưa trả đồng nào . . . Qua thỏa thuận cô chú nhất trí anh Minh có quyền sử dụng sổ đỏ với chính quyền để giải quyết số tiền trên*"; đến ngày 12-3-2023 bà Lý Thị Q được viết tay thêm Giấy cam kết xác nhận việc vợ chồng bà có vay của ông Nguyễn Văn M số tiền là 300.000.0000 đồng ngày 23-8-2017, tính đến ngày 12-3-2023 chưa trả cho ông Nguyễn Văn M tiền, tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12-3-2023 là 480.000.000 đồng, vợ chồng bà cam đoan trả nợ vào ngày 10 hàng tháng với số tiền 10.000.000 đồng hàng tháng. Tại Giấy cam kết này ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q cùng ký tên và xác nhận là đúng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Dung H khẳng định, ngày 23-8-2017 ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q có vay tiền của ông Nguyễn Văn M tại nhà bà, số tiền vay 300.000.000 đồng, bà là người chứng kiến chứ không phải bà là người cho vay. Như vậy, có căn cứ chứng minh việc ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q có vay của ông Nguyễn Văn M số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 23-8-2017. Việc vay tiền do hai bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự xác lập thực hiện, tự nguyện, nội dung thỏa thuận vay tiền không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật; về lãi phát sinh, tại Giấy vay tiền mặt ngày 23-8-2017 có nội dung thỏa thuận về lãi suất vay là 12%/năm, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 29-02-2024) số tiền lãi trên nợ gốc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là trên 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu các bị đơn phải thanh toán lãi phát sinh là 180.000.000 đồng là có lợi cho các bị đơn. Tổng ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q phải liên đới có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn M tổng số tiền gốc và lãi phát sinh là 296.000.000 đồng + 180.000.000 đồng = 476.000.000 đồng, là có cơ sở. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của vợ chồng bị đơn Phan Tiến D, Lý Thị Q cho rằng thực chất khoản vay theo giấy vay tiền mặt ngày 23-8-2017 là vợ chồng ông bà vay của bà Nguyễn Thị Dung H và đã thanh toán 475.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Dung H, chỉ còn nợ 10.000.000 đồng tiền lãi (trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là thanh toán 04 lần trong năm 2017), nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, chỉ có lời khai của vợ chồng ông Phan Tiến D, lời khai không phù hợp với nội dung tài liệu, chứng cứ vụ án thu thập được như Giấy vay tiền ngày 23-8-2017, Giấy biên nhận và thỏa thuận ngày 08-6-2022, Giấy cam kết ngày 12-3-2023, do chính vợ chồng ông viết và ký xác nhận. Do vậy kháng cáo của ông D, bà Q là không có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định, tuy nhiên các bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nên được miễn án phí theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29-02-2024 của TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai đã được triệu tập hợp lệ, các đương sự có mặt đầy đủ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của các bị đơn ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do chỉ được vay tiền của bà Nguyễn Thị Dung H, không được vay tiền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, thấy rằng:

[3] Hợp đồng vay tài sản thể hiện bằng hình thức giấy viết tay là Giấy vay tiền mặt ngày 23-8-2017, do bị đơn ông Phan Tiến D là người viết. Nội dung giấy viết tay thể hiện: Người cho vay là nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, người vay là các bị đơn là ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q, số tiền vay là 300.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, thời gian vay là 06 tháng, khi vay bên bị đơn có giao 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Văn L để làm tin. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Tiến D xác nhận được viết giấy vay, vợ chồng bị đơn đều thừa nhận được tự nguyện ký tên vào giấy vay, không bị ai ép buộc. Khi lập giấy vay, hai bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận vay tiền không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[4] Tại Giấy biên nhận và thoả thuận ngày 08-6-2022 thể hiện nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M cho các bị đơn bà Lý Thị Q và ông Phan Tiến D vay tiền, từ ngày 23-8-2017 vợ chồng bị đơn chưa trả số tiền vay 300.000.000 đồng với lãi suất 12%/năm, nguyên đơn có quyền sử dụng 03 GCNQSDĐ mà vợ chồng bị đơn đưa cho nguyên đơn giữ để giải quyết số tiền vay chưa trả. Giấy biên nhận và thoả thuận này do nguyên đơn là người viết, bị đơn bà Lý Thị Q có ký xác nhận với tư cách là người thoả thuận.

[5] Tại Giấy cam kết đề ngày 12-3-2023, do chính bà Lý Thị Q viết cũng thể hiện nội dung: Vợ chồng bị đơn có vay của nguyên đơn 300.000.000 đồng vào ngày 23-8-2017, tính đến ngày 12-3-2023 vẫn chưa trả tiền cho nguyên đơn, tổng số tiền cả gốc và lãi đến nay là 480.000.000 đồng; do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng bị đơn cam đoan sẽ trả 10.000.000 đồng vào ngày mùng 10 hàng tháng, số nợ còn lại sẽ chịu lãi suất 12%/năm, thời điểm trả nợ bắt đầu từ ngày 10-4-2023. Giấy cam kết này đều được các bị đơn ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q ký và xác nhận đúng chữ ký của mình.

[6] Các bị đơn trình bày không biết nguyên đơn, không vay tiền của nguyên đơn, chỉ được vay tiền của bà Nguyễn Thị Dung H. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị đơn xác định đã được trả bà Nguyễn Thị Dung H 04 lần, đều trả trong năm 2017, cụ thể: Ngày 22-9-2017 trả 60.000.000 đồng, ngày 24-10-2017 trả 80.000.000 đồng, tháng 11-2017 trả 150.000.000 đồng, ngày 22-12-2017 trả 185.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 475.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà sơ thẩm, các bị đơn trình bày việc trả nợ được thực hiện vào cuối năm 2018, đầu năm 2019. Lời khai của các bị đơn về thời gian trả nợ có sự mâu thuẫn, không thống nhất. Ngoài lời trình bày, các bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã trả nợ. Lời khai của các bị đơn cho rằng không biết nguyên đơn, không vay tiền của nguyên đơn cũng không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được tại mục [3], [4], [5] của phần nhận định. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, không có căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị Dung H là người cho các bị đơn vay tiền và các bị đơn đã trả cho bà Nguyễn Thị Dung H 475.000.000 đồng.

[7] Bị đơn bà Lý Thị Q trình bày 4.000.000 đồng vợ chồng bị đơn chuyển trả vào tài khoản của nguyên đơn là trả cho khoản vay khác, không liên quan đến khoản vay 300.000.000 đồng trong vụ án này. Nhưng ngoài lời trình bày, các bị đơn cũng có tài liệu gì để chứng minh. Theo Giấy vay tiền mặt ngày 23-8-2017 có thoả thuận về lãi suất vay là 12%/năm, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 29-02-2024), số tiền lãi là trên 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền lãi là 180.000.000 đồng là có lợi cho các bị đơn. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn liên đới có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 296.000.000 đồng tiền nợ gốc và 180.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 476.000.000 đồng là có căn cứ nên giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng do các bị đơn có đơn đề nghị và thuộc trường hợp được miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29-02-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Phan Tiến D, bà Lý Thị Q được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP.L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuệ